

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền.

2. Ông La Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 26/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị C, sinh năm 1990.(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hạ Văn L, sinh năm 1989.(Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn N, xã Bằng P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Đàm Thị C trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh L được tìm hiểu tình cảm với nhau rồi tự nguyện đi đến hôn nhân. Nên chị C với anh Hạ Văn L có đến Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, để làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/ 2012 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng 05(năm) năm sau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh L hay chơi bời, không lo cho vợ cho con, mắc nghiện ma túy, vợ con và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh L không nghe, ngày càng chơi bời và mắc nghiện ma túy nặng thêm, đến năm 2018 bố, mẹ anh L không cam chịu được cảnh anh L mắc nghiện ma túy và bán tài sản trong gia đình nên đã cho vợ chồng anh L, chị C làm nhà ra ở riêng. Sau khi làm nhà ra ở riêng vợ chồng làm ruộng, chị C cho anh L cơ hội để sửa chữa những mắc phải sai lầm và làm lại cuộc đời, nhưng anh L không quyết tâm sửa chữa và từ bỏ ma túy, mà anh L còn bán những tài sản trong gia đình của vợ chồng rồi bán cả xe máy của bố mẹ chị L mua tặng cho. Từ những nguyên nhân lý do đó. Vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, mà mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng do anh L nghiện ma túy quá nặng. Chị C và anh L đã sống ly thân từ năm 2019. Nay, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn giải quyết được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị C và anh L sinh được 01 con chung có họ và tên Hạ Duy H, sinh ngày 06/11/2013. Con chung hiện nay đang ở với anh L (tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì chị C sẽ có điều kiện nhất định trong việc nuôi dạy con được tốt hơn so với anh L. Chị C không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hạ Văn L trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong biên bản ghi lời khai trình bày như sau:

Anh L đã nhận được giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc vào ngày 22/5/2020 nhưng hiện nay do công việc bận rộn nên anh L không thể trực tiếp tham gia vụ án được, ngày 30/5/2020 anh L làm đơn đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc tại Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh L trình bày trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/5/2020 như sau:

Về quan hệ hôn nhân : Anh L được tìm hiểu tình cảm với chị C rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn, việc đăng ký kết hôn giữa anh L với chị C là tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn quá trình vợ chồng chung sống với nhau như chị C trình bày là đúng. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ năm 2019. Nay chị C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh L đồng ý.

Về con chung: Anh L và chị C sinh được 01 con chung có họ và tên Hạ Duy H, sinh ngày 06/11/2013; nếu ly hôn anh L đồng ý cho chị C được trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nếu chị C yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý. Tuy nhiên, trong biên bản ghi lời khai anh L trình bày có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có họ và tên Hạ Duy H, sinh ngày 06/11/2013. Anh L không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho anh L và thông báo cho anh L về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án cụ thể này không tiến hành hòa giải được là do bị đơn có đơn xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, Tòa án tiến lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định và lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh L vắng mặt nhưng anh L đã trình bày trong đơn xin xét xử vắng mặt và trong biên bản ghi lời khai là đồng ý ly hôn chị C. Anh L có nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có họ và tên Hạ Duy H sinh ngày 06/11/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án trong quá trình tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử, cho đến khi nghị án đã thực hiện đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đối với chị C nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng đầy đủ. Tuy nhiên, đối với anh L bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng không đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đàm Thị C được ly hôn anh Hạ Văn L.

Về con chung: Giao con chung họ và tên Hạ Duy H, sinh ngày 06/11/2013 cho chị Đàm Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và đề nghị cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đàm Thị C không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hạ Văn L sau khi nhận được giấy triệu tập và thông báo thụ lý vụ án anh L đã không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án và viết giấy xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết thông báo theo Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh L vẫn không có mặt để giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, đồng thời niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Qua xác minh hiện nay anh L vẫn có mặt ở địa phương nơi cư trú và anh L được biết, được nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh L cố tình vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Xác định là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh L có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 27/12/2012. Việc thiết lập quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng chung

sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay chị C nhất quyết được ly hôn anh L, anh L đồng ý ly hôn chị C. Trong giấy xin xét xử vắng mặt và biên bản ghi lời khai anh L thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Theo kết quả xác minh tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nơi chung sống của vợ chồng cho thấy quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L là người mắc nghiện ma túy, trộm cắp, lười lao động, không tu chí làm ăn. Ngoài ra, anh L còn bán tài sản của gia đình. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng có mâu thuẫn rất trầm trọng, hôn nhân thực tế không tồn tại, hai bên đã sống ly thân năm 2019; hai bên không còn quan tâm, tôn trọng lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nội dung của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị C xin được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nêu trên.

Về con chung: Xác định chị C và anh L có 01 con chung. Tuy nhiên xét về điều kiện nuôi con chung như sau.

Đối với anh Hạ Văn L không có mặt tại Tòa án để làm việc nhưng anh L đã trình bày trong đơn xin giải quyết vắng mặt và biên bản ghi lời khai là anh nhất trí ly hôn chị C và anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đến khi đủ 18 tuổi. Xét nguyện vọng của anh L trực tiếp nuôi con là không phù hợp bởi lẽ anh L không có việc làm và không có thu nhập ổn định, không chịu khó tu chí làm ăn, anh hay đi lại thuộc các xã lân cận của huyện Chợ Đồn, tìm ma túy để sử dụng vì anh mắc nghiện ma túy; hiện nay anh L đang bị điều tra về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra tại Trung tâm y tế huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Do đó, sau khi ly hôn anh L có thể không có điều kiện hoặc không có thời gian chăm sóc con ăn, ở, đưa đón con đi học hằng ngày được đảm bảo.

Đối với chị Đàm Thị C chị chưa có nhà ở nhưng hiện nay chị đang làm công nhân, tổng mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ. Ngoài ra con chung có nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị C. Nếu được ly hôn và được quyền nuôi con thì chị C và con về sinh sống cùng gia đình bố, mẹ đẻ tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được bố mẹ đồng ý tại đơn đề nghị ngày 14/9/2020 của bố chị C là ông Đàm Ngọc B. Vì vậy, xét thấy giao con chung Hạ Duy H, sinh ngày 06/11/2013 cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị C không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đàm Thị C là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị C xin được ly hôn anh Hạ Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị C được ly hôn anh Hạ Văn L.

- Về con chung: Giao con chung Hạ Duy H, sinh ngày 06/11/2013 cho chị Đàm Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện nay Hạ Duy H đang ở với anh L tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Hạ Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đàm Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đàm Thị C đã nộp theo biên lai số 06235 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cạn